**BÀI 6**

**TRUYỆN TRUYỀN KÌ VÀ TRUYỆN TRINH THÁM**

**Thời gian thực hiện: 12 tiết**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

***a. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản truyện truyền kì, truyện trinh thám muốn gửi đến người đọc thông qua một số yếu tố hình thức nghệ thuật như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện,...; thấy được tác động của văn bản đối với người đọc.

- Có hiểu biết về cách biến đổi, mở rộng cấu trúc câu và áp dụng được vào hoạt động nói, viết.

- Viết được một truyện kể sáng tạo; sử dụng được các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong khi viết truyện.

- Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...) và lắng nghe, trao đổi về nội dung, nghệ thuật của câu chuyện được kể.

***b. Năng lực chung:***

- Cảm thông với những người có số phận kém may mắn; có ý thức đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu; không tham lam, hưởng thụ trên nỗi đau của người khác.

**2. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, yêu thương con người; căm ghét chiến tranh phi nghĩa, có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước, trân trọng các giá trị của nghệ thuật.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**-** Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính.

- Học liệu: Sách giáo khoa, phiếu bài tập, video về các nội dung liện quan đến tác phẩm

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiết: 73,74,75**

**Đọc hiểu văn bản: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**(Trích Truyền kì mạn lục)**

**-Nguyễn Dữ-**

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

***a. Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện; qua lời người kể chuyện.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

***b.*** ***Năng lực chung***

*Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**2. Phẩm chất**

- Yêu quê hương đất nước, yêu thương con người; căm ghét chiến tranh phi nghĩa, có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước, trân trọng các giá trị của nghệ thuật.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:** - Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện; qua lời người kể chuyện.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**-** Thiết bị dạy học: Máy chiếu, máy tính.

- Học liệu: Sách giáo khoa, phiếu bài tập, video về các nội dung liện quan đến tác phẩm

**III. Tiến trình dạy học:**

**Hoạt động 1: Khởi động ( 5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi, kết nối tri thức tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS quan sát các bức ảnh tư liệu và đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề. HS suy nghĩ thực hiện nội dung nhiệm vụ được giao.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ hiểu biết và thái độ của HS về chiến tranh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Trò chơi: Nhìn tranh đoán chi tiết**

**Yêu cầu**: Những hình ảnh sau có thể gợi cho em liên tưởng đến những chi tiết nào, ở tác phẩm truyện nào đã học?

|  |  |
| --- | --- |
| A cartoon of a person and a boat with a turtle  Description automatically generated | A cartoon of a group of children outside a house  Description automatically generated |
| **Hình 1** | **Hình 2** |
| Cartoon of a person and a child  Description automatically generated | Sau khi đánh đuổi giặc Ân, gióng đã làm gì? Xem Bài Đọc T |
| **Hình 3** | **Hình 4** |

? Em hãy rút ra điểm giống nhau của các chi tiết truyện trên.

Nêu ý nghĩa của một chi tiết mà em ấn tượng nhất.

**\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

- HS tham gia trò chơi; nêu suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Dự kiến sản phẩm của HS:**

**\*Các hình ảnh gợi liên tưởng đến những chi tiết trong các tác phẩm truyện đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 1 | Chi tiết vua Lê Lợi hoàn gươm lại cho Đức Long Quân trong truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” |
| Hình 2 | Chi tiết quả bầu tiên giúp người em trai Heng-bu trở nên giàu có và trừng trị tính tham lam của người anh trai Non-bu trong truyện cổ tích “Non-bu và Heng-bu” |
| Hình 3 | Chi tiết bà mẹ sinh ra một đứa bé không tay, không chân, tròn như một quả dừa trong truyện cổ tích “Sọ Dừa” |
| Hình 4 | Chi tiết Thánh Gióng bay về trời sau khi đánh xong giặc Ân trong truyền thuyết “Thánh Gióng”. |

**\***Các chi tiết trên đều là các chi tiết kì ảo, không có thật, góp phần làm cho cốt truyện thêm li kì, hấp dẫn; gửi gắm quan điểm, thái độ của nhân dân dành cho những nhân vật.

HS chia sẻ suy nghĩ về ý nghĩa của một chi tiết kì ảo.

**Ví dụ:** Chi tiết Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng lên trời.

- Gióng cũng như chính nhân dân, đánh giặc vì lòng yêu nước, căm thù giặc, sẵn sàng hi sinh thân mình mà không đòi hỏi được khen thưởng hay ban cho danh lợi.

- Chi tiết này còn có ý nghĩa bất tử hóa hình tượng Thánh Gióng.

**GV giới thiệu bài mới**: *Trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc, các em đã có dịp tìm hiểu nhiều tác phẩm truyện cổ tích, truyền thuyết chứa đựng những yếu tố hoang đường, kì ảo. Những chi tiết kì ảo, hoang đường đó xuất phát từ trí tưởng tượng phong phú, bay bổng của các tác giả dân gian đã sáng tạo ra một thế giới mới mẻ, lạ lùng, làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm... Đến với thể loại truyện truyền kì trong bài học 4 này, các em sẽ có dịp tìm hiểu thế giới kì ảo với những câu chuyện li kì gắn với các yếu tố hoang đường, kì ảo để người đọc thấy được sự sáng tạo không giới hạn của các nhà văn.*

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới ( 110 phút)**

**Hoạt động 2.1. Đọc tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm (cốt truyện, bố cục, đề tài, bối cảnh, ngôi kể, nhân vật...)

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy và trò** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \*GV yêu cầu HS theo thảo luận theo cặp đôi  HS theo dõi SGK, đọc thầm phần *Kiến thức ngữ văn* và hoàn thành **phiếu học tập 01**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 01**  **Tìm hiểu về truyện truyền kì** | | | | **STT** | **Đặc điểm** | **Trả lời** | | 1 | Nguồn gốc | **......** | | 2 | Nội dung và cốt truyện truyền kì | **.........** | | 3 | Nhân vật trong truyện truyền kì | **.......** | | 4 | Yếu tố kì ảo | **.........** | | 5 | Không gian, thời gian | **..........** |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi SGK, đọc thầm phần *Kiến thức ngữ văn* và hoàn thành **phiếu học tập 01**  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời trình bày câu trả lời **(Hs khuyết tật tham gia trả lời)**  - Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.  **\*Dự kiến sản phẩm:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 01**  **Tìm hiểu về truyện truyền kì** | | | | **STT** | **Đặc điểm** | **Trả lời** | | 1 | Nguồn gốc | Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự phát triển mạnh mẽ ở thời Trung đại, có nguồn gốc từ Trung Quốc | | 2 | Nội dung và cốt truyện truyền kì | - Nội dung: dùng yếu tố kì ảo làm phương thức nghệ thuật để phản ánh đời sống nhân sinh.  - Cốt truyện**:** mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử lưu truyền rộng rãi trong nhân dân, hoặc mượn từ truyện truyền kì của Trung Quốc. | | 3 | Nhân vật trong truyện truyền kì | - Nhân vật chính là những người bình dân, trí thức, quan lại, thương nhân, ca nữ, ...  - Có cả nhân vật như thần, phật, ma, quỷ... nhưng cũng được khắc họa ở phương diện con người cá nhân. | | 4 | Yếu tố kì ảo | - Xuất hiện nhiều;  - Có vai trò quan trọng:  + Là phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống.  + Truyền tải những vấn đề cốt lõi của hiện thực và quan niệm, thái độ của tác giả. | | 5 | Không gian, thời gian | **- Không gian:** cõi trần và cõi âm, con người và thần thánh, ma quỷ có sự hoad trộn kết nối.  **- Thời gian:** Có sự kết hợp chặt chẽ giữa thời gian thực và thời gian kì ảo. |   **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét sản phẩm học tập của HS, kết luận vấn đề. | 1. **Tìm hiểu chung** 2. **Kiễn thức ngữ văn**   **\*Thể loại truyện truyền kì**  Truyện truyền kì là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc, kể về những truyện kì ảo, cốt truyện thường được xây dựng trên những câu chuyện trong dân gian hoặc trong cuộc sống. |
| **\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS thảo luận và trình bày theo hình thức “Cặp đôi”  - Cách thực hiện: Học sinh thảo luận và trình bày kết quả đã chuẩn bị, một học sinh hỏi, một học sinh thực hiện trả lời.  - Giới thiệu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Dữ.  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận cách chia sẻ cặp đôi.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung**  - GV yêu cầu đại diện 1-2 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Các cặp đôi khác lắng nghe, bổ sung góp ý nội dung, cách trình bày của nhóm bạn  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV và HS đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và khả năng trình bày trước lớp, sự ăn ý của các cặp đôi khi thuyết trình.  - GV kết luận thông tin chính về tác giả, tác phẩm. GV chiếu một số hình ảnh về nhà văn.  **GV mở rộng thêm:**  Nguyễn Dữ hiện chưa rõ cụ thể năm sinh, năm mất nhưng theo các tài liệu dự đoán ông sống vào nửa đầu TK 16, là học trò giỏi của Tuyết giang phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm. Chế độ phong kiến nhà Hậu Lê sau một thời kì phát triển rực rỡ cuối thế kỉ 15 đã bắt đầu lâm vào khủng hoảng, chính sự suy yếu, tập đoàn phong kiến Lê- Trịnh – Mạc tranh giành quyền lực gây loạn lạc liên miên. Chán nản trước thời cuộc, lại ảnh hưởng từ thầy học, sau khi đi hương cống Nguyễn Dữ làm quan một năm rồi ở ẩn vùng rừng núi Thanh Hoá. Đó là cách phản kháng của người trí thức đương thời. | 1. **Tác giả, tác phẩm** 2. **Tác giả:**   - Nguyễn Dữ sống vào nửa đầu thế kỉ XVI.  - Là người học rộng, tài cao, làm quan 1 năm sau về ở ẩn tại Thanh Hoá.  - Sáng tác của Nguyễn Dữ thể hiện cái nhìn tích cực đối với văn học dân gian. |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Hs hoạt động cá nhân**  GV hướng dẫn HS đọc VB và giới thiệu khái quát về tác phẩm:  **GV hướng dẫn cách đọc**: trang trọng và chậm rãi, chú ý thay đổi giọng đọc theo ngữ cảnh: khi nhẹ nhàng, trầm buồn, khi mạnh mẽ, dứt khoát, chú ý ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.  - GV đọc mẫu 1 đoạn-> HS đọc **(gọi Hs khuyết tật tham gia đọc)**  - Giải thích nghĩa các cụm từ: *ngõ liễu tường hoa, nghi gia nghi thất, một tiết, cỏ Ngu Mĩ, ngọc Mỵ Nương, ...*  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó ở chân trang.  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Kết luận, nhận định** | **b. Tác phẩm**  **\* Đọc, chú thích** |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ từng nhóm như phiếu HT số 01. HS thảo luận nhóm nhỏ theo bàn.  HS thực hiện **Phiếu học tập số 01**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB   |  |  | | --- | --- | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Đề tài, chủ đề |  | | Bối cảnh của câu chuyện |  | | Ngôi kể, tác dụng của ngôi kể |  | | Ý nghĩa nhan đề |  | | Bố cục |  |   **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả.  **Dự kiến sản phẩm:**  **- Xuất xứ:** Là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập *“Truyền kì mạn lục”.* Nguồn gốc từ truyện dân gian *“Vợ chàng Trương”*  **- Thể loại:** Truyện truyền kỳ  **- Đề tài/chủ đề:** Người phụ nữ trong xã hội phong kiến/Niềm xót xa thương cảm đối với số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến cũng như trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của họ.  **- Bối cảnh:** Trong xã hội kiến, nơi tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, chế độ gia trưởng chi phối cuộc sống của con người và chiến tranh thường xuyên xảy ra làm ly tán gia đình và gây ra những bi kịch.  **- Nhân vật:** Vũ Nương, Trương Sinh, mẹ Trương Sinh, bé Đản, Phan Lang...  **- Ngôi kể:** thứ ba-> giúp người đọc tiếp cận câu chuyện một cách toàn diện và khách quan nhất.  **- Bố cục**: 3 phần  + **Phần 1** (Từ đầu*...lo liệu như đối với* *cha mẹ đẻ mình*): Vũ Nương trở thành chinh phụ  + **Phần 2 (**Tiếp theo… *nhưng việc đã trót qua rồi*): Vũ Nương mắc oan  + **Phần 3** (Còn lại): Vũ Nương được lập đàn giải oan và sự ra đi vĩnh viễn của Vũ Nương.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\*Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Tìm hiểu chung**  - Xuất xứ:  + Trích từ*“Truyền kì mạn lục*” (ghi chép tản mạn những điều kì lạ vốn được lưu truyền*)* đây là tác phẩm chữ Hán, gồm 20 câu chuyện*.*  + Là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập  *-* Nguồn gốc: cốt truyện dựa từ truyện cổ tích “*Vợ chàng Trương*”  **-** Thể loại: Truyện truyền kỳ  - Đề tài: Người phụ nữ  - Ngôi kể: Ngôi thứ 3  - Bố cục: 3 phần |
| **Hoạt động 2.2. Đọc hiểu văn bản**  **a. Mục tiêu**  - GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì thông qua văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương:* không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời của người kể chuyện.  - Thấy được những đặc sắc nghệ thuật trong việc xây dựng hình ảnh nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh  - Phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài câu chuyện trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Hiểu được thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.  **b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm. | |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**:  GV chia lớp thành bốn nhóm, thực hiện các nhiệm vụ sau:  **Nhóm 1: Phiếu học tập số 2**  **Nhóm 2: Phiếu học tập số 3**  **Nhóm 3: Phiếu học tập số 2**  **Nhóm 4: Phiếu học tập số 5**   |  | | --- | | **Phiếu học tập số 02**  **TÌM HIỂU NỘI DUNG, CỐT TRUYỆN, SỰ KIỆN**  **Sắp xếp các sự kiện sau vào sơ đồ theo đúng trình tự của câu chuyện:**  (a) Lấy chồng: Vũ Thị Thiết lấy chồng – người có tính đa nghi.  (b) Làm người chinh phụ: Chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng già yếu và nuôi con nhỏ  (c) Ghen tuông và ruồng rẫy: Đản không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về gần gũi, thân thiết với hai mẹ con. Trương nổi cơn ghen, quy cho Vũ Thị Ngoại tình, không cho thanh minh, hắt hủi và đuổi nàng đi.  (d) Tỏ lòng và quyên sinh: Vũ Thị Thiết chỉ còn biết tỏ lòng với trời đất và tìm cái chết trên bến Hoàng Giang.  (e) Trở về và giã biệt: Vũ Thị trở về trên một chiếc kiệu hoa…, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện…đứng ở giữa dòng nói lời đa tạ rồi giã biệt  (g) Trở về: Trương Sinh trở về sau chinh chiến, mẹ chồng đã mất, đứa con mới lên ba.  (h) Sự hối lỗi muộn màng: Trương hiểu ra sự thật: người mà Đản gọi là cha chỉ là cái bóng trên tường, dưới ngọn đèn khuya nhưng tất cả đã muộn.  (i) Lập đàn tràng giải oan: Trương Sinh lập đàn tràng, giải oan cho Vũ Thị.  (k) Ân nghĩa với Linh Phi: Phan Lang, người làng của Trương được Linh Phi cứu sống, gặp Vũ Thị dưới thuỷ phủ của Linh Phi. Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với chàng Trương lập đàn đón nàng về. |      |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 03**  **TÌM HIỂU KHÔNG GIAN, THỜI GIAN, NHÂN VẬT**  1.Các nhân vật trong truyện:  Nhân vật chính là: .................................., nhân vật phụ là: ...............................................  2. Xác định trật tự thời gian, không gian trong truyện:   |  |  | | --- | --- | | Không gian |  | | Thời gian |  | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 04**  **TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO**  **Yêu cầu**: *Tìm các chi tiết kì ảo được sử dụng trong tác phẩm và nêu tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm:*  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | Chi tiết/ yếu tố kì ảo | Tác dụng đối với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng | |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 05**  **TÌM HIỂU SỰ KẾT HỢP GIỮA CHI TIẾT KÌ ẢO VÀ CHI TIẾT ĐỜI THƯỜNG TRONG TÁC PHẨM**  **Yêu cầu**: Phân tích tác dụng của việc kết hợp các chi tiết kì ảo với các chi tiết đời thường ở một đoạn văn sau: *“Lúc về đến nhà, Phan Lang đem chuyện kể cho họ Trương...Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần và biến đi mất.”*  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | Chi tiết đời thường, có thật | Chi tiết kì ảo | | .............................................. | ...................................... | | Tác dụng của sự kết hợp giữa chi tiết kì ảo và chi tiết đời thường:................................................................ | | |   **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời theo nhóm sau khi thống nhất các ý kiến riêng của các cá nhân trong nhóm.  **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Cá nhân trả lời, HS khác nghe nhận xét, góp ý bổ sung hoàn thiện câu trả lời.  ***Dự kiến sản phẩm:*** | **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**  **1. Đặc điểm của thể loại truyện truyền kì qua VB *Chuyện người con gái Nam Xương*** |
| **a. PHT số 2**  **(1) Trở thành chinh phụ (đoạn đầu): a-b**  - Lấy chồng: Vũ Thị Thiết lấy chồng – người có tính đa nghi.  - Làm người chinh phụ: Chồng đi chinh chiến, nàng một mình phụng dưỡng mẹ chồng già yếu và nuôi con nhỏ  **(2) Mắc oan (đoạn tiếp theo) g-c-d-h**  - Trở về: Trương Sinh trở về sau chinh chiến, mẹ chồng đã mất, đứa con mới lên ba.  - Ghen tuông và ruồng rẫy: Đản không nhận Trương là cha, lại nói về một người cha khác đêm đêm vẫn về gần gũi, thân thiết với hai mẹ con. Trương nổi cơn ghen, quy cho Vũ Thị Ngoại tình, không cho thanh minh, hắt hủi và đuổi nàng đi.  - Tỏ lòng và quyên sinh: Vũ Thị Thiết chỉ còn biết tỏ lòng với trời đất và tìm cái chết trên bến Hoàng Giang.  - Sự hối lỗi muộn màng: Trương hiểu ra sự thật: người mà Đản gọi là cha chỉ là cái bóng trên tường, dưới ngọn đèn khuya nhưng tất cả đã muộn.  **(3) Giải oan (đoạn cuối) k-i-e**  - Ân nghĩa với Linh Phi: Phan Lang, người làng của Trương được Linh Phi cứu sống, gặp Vũ Thị dưới thuỷ phủ của Linh Phi. Phan Lang khuyên nàng về thăm chồng con, Vũ Thị nhờ Phan Lang nói với chàng Trương lập đàn đón nàng về.  - Lập đàn tràng giải oan: Trương Sinh lập đàn tràng, giải oan cho Vũ Thị.  - Trở về và giã biệt: Vũ Thị trở về trên một chiếc kiệu hoa…, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện…đứng ở giữa dòng nói lời đa tạ rồi giã biệt | |
|  | |
| **Phiếu học tập số 03**  **TÌM HIỂU KHÔNG GIAN, THỜI GIAN, NHÂN VẬT**  1.Các nhân vật trong truyện:  Nhân vật chính là: Vũ Nương, nhân vật phụ là: Trương Sinh, người mẹ chồng, bé Đản, Linh Phi, Phan Lang,…  => Các nhân vật mang đặc điểm của nhân vật trong truyện truyền kì: thần linh mang đặc điểm con người: Linh Phi – vợ vua biển Nam Hải, cứu sống, trả ơn con người; con người nhưng mang nét đặc biệt: Phan Lang đắm thuyền được Linh Phi cứu sống, được trở về dương gian, Vũ Nương đã chết hiện lên khi được Trương Sinh lập đàn giải oan,…  2. Xác định trật tự thời gian, không gian trong truyện:   |  |  | | --- | --- | | Không gian | Sự kiện được kể theo các phạm vi khác nhau: trần thế (thế giới thực) – thuỷ phủ (thế giới kì ảo) – trần thế, con người có thể đi về giữa hai thế giới. | | Thời gian | Sự kiện sắp xếp theo trình tự tuyến tính (việc gì xảy ra trước kể trước). Con người có thể sống nhiều đời, sống nhờ các phép thuật kì ảo (Vũ Nương, Phan Lang) | | |
|  | |
| **Phiếu học tập số 04**  **TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO**  **Yêu cầu**: *Tìm các chi tiết kì ảo được sử dụng trong tác phẩm và nêu tác dụng của chúng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm:*  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết/ yếu tố kì ảo** | **Tác dụng đối với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng** | | - Nhân vật và thế giới kì ảo: nhân vật Linh Phi, Phan Lang, … dưới thuỷ phủ  - Linh Phi hoá thân vào con rùa, báo mộng cho Phan Lang và được Phan Lang cứu sống; việc cứu sống Vũ Thị, trả ơn Phan Lang của Linh Phi  - Việc lậpđàn giải oan*,* cảnh Trương Sinh và Vũ Nương gặp gỡ trong cách biệt | **- Làm nên nét đặc trưng của thể loại truyện truyền kì:** Làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, li kì.  **- Khắc họa số phận, phẩm chất của nhân vật Vũ Nương:**  + Số phận bất hạnh của Vũ Nương vì Vũ Nương luôn bị ám ảnh, dằn vặt bởi nỗi oan chưa được giải tóa;  + Phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, khát khao được bảo vệ danh dự.  **- Thể hiện tư tưởng nhân đạo của tác phẩm:** Cảm thông cho số phân kém may mắn, yêu mến, trân trọng những con người có tâm hồn và phẩm chất cao đẹp.  + Thể hiện chủ đề tư tưởng: khát vọng, ước mơ về lẽ sống công bằng ở đời cho nhân dân ta.  + Nếu không có yếu tố kì ảo thì nhân vật Vũ Nương không được giải oan và câu chuyện rơi vào bế tắc, không thể hiện được khát vọng của nhân dân. | | |
| **Phiếu học tập số 05**  **TÌM HIỂU SỰ KẾT HỢP GIỮA CHI TIẾT KÌ ẢO VÀ CHI TIẾT ĐỜI THƯỜNG TRONG TÁC PHẨM**  **Yêu cầu**: Phân tích tác dụng của việc kết hợp các chi tiết kì ảo với các chi tiết đời thường ở một đoạn văn sau: *“Lúc về đến nhà, Phan Lang đem chuyện kể cho họ Trương...Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần và biến đi mất.”*  **Trả lời:**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết đời thường, có thật** | **Chi tiết kì ảo** | | + Phan Lang kể chuyện với Trương Sinh ở nhà; Trương Sinh lập đàn tràng ở bến Hoàng Giang; nhận chiếc hoa vàng | Trương Sinh nhận lại chiếc hoa vàng từ Vũ Nương ở chỗ của Linh Phi, Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa đứng giữa dòng, theo sau có đến năm mươi cờ tán võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện...đi mất” | | Tác dụng của sự kết hợp giữa chi tiết kì ảo và chi tiết đời thường:  + Sự kết hợp các chi tiết trên giúp câu chuyện trở nên hấp dẫn, vừa thực, vừa hư, vừa gắn với những vấn đề đời sống hằng ngày gần gũi với mọi người;  + Thể hiện trí tưởng tượng phong phú và ước mơ của tác giả về những điều tốt đẹp của cuộc sống. | | | |
| **\*Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục | |
| **Tìm hiểu nhân vật Vũ Nương**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**  Nhóm 1,2: Tìm hiểu về vẻ đẹp của Vũ Nương **(Hs khuyết tật tham gia tìm hiểu)**  Nhóm 3,4: Tìm hiểu về số phận và bi kịch của Vũ Nương    Nhóm 1, 2 Nhóm 3, 4  Số phận, bi kịch của Vũ Nương  Vẻ đẹp của Vũ Nương  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm     |  | | --- | | **Phiếu học tập số 06- Nhóm 1, 2**  **Tìm hiểu vẻ đẹp của Vũ Nương** | | **Yêu cầu: Đọc phần 1 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Lời giới thiệu của người kể chuyện ở phần mở đầu đã làm nổi bật những nét tính cách gì của Vũ Nương? Cho biết vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc họa nhân vật.  2. Lời nói của Vũ Nương khi chia tay chồng ra trận cho thấy mong muốn, khát vọng gì của nàng?  3. Phân tích những hành động, việc làm của Vũ Nương khi Trương Sinh đi lính.  4. Khi bị chồng nghi oan và đối xử tệ bạc, Vũ Nương đã có hành động, lời nói như thế nào? Nhận xét về hành động và việc làm ấy của nàng  5. Rút ra nhận xét chung về vẻ đẹp của Vũ Nương. |  |  | | --- | | **Phiếu học tập số 07- Nhóm 3,4**  **Tìm hiểu số phận bi kịch của Vũ Nương** | | **Yêu cầu: Đọc phần 2 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Nhân vật Vũ Nương phải chịu đựng và trải qua những nỗi đau nào (trong hôn nhân, lúc xa chồng, lúc chồng trở về,...  2. Phân tích lời than của Vũ Nương trước khi gieo mình xuống sông:  - Nỗi đau của Vũ Nương  - Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì.  2. Cho biết những nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương. Nguyên nhân nào là chủ yếu? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các đội thực hiện nhiệm vụ.  GV quan sát, khích lệ HS  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  - Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm  -Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  ***\*Dự kiến sản phẩm:***  **PHT số 6:. Vẻ đẹp của Vũ Nương**  ***\* Qua lời giới thiệu nhân vật của người kể chuyện:***  **+** Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương; tính thùy mị, nết na; tư dung tốt đẹp.  + Khi lấy chồng: nàng luôn giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa.  => Lời người kể chuyện ngắn gọn, đầy đủ họ tên, quê quán, nét nổi bật trong tính cách 🡪 định hướng cho người đọc, khiến người đọc có ấn tượng là nhân vật có thật.  *\*****Qua lời tiễn chồng ra trận***: Chồng đi lính, nàng «*chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ mong ngày về mang theo được hai chữ bình yên*» 🡪 Nàng không mong cầu vinh hoa phú quý, luôn lo lắng cho an nguy của chồng khi chinh chiến nơi ải xa; chỉ khao khát hạnh phúc gia đình, mong chồng được bình an trở về.  \* ***Qua hành động, việc làm khi xa chồng***:  + Đối với chồng: nhớ chồng không nguôi, hết mực chung thủy.  + Đối với mẹ chồng: là người con dâu hiếu thảo, ân cần, hết lòng chăm sóc, phụng dưỡng lúc ốm đau, lo ma chay lễ tế khi mất như mẹ đẻ.  Người mẹ chồng cũng đã ghi nhận tấm lòng, nhân cách và công lao của Vũ Nương đối với gia đình chồng qua lời trăng trối: «...*xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ*».  + Đối với con cái: là người mẹ yêu thương con hết mực, trỏ vào bóng mình bảo là cha Đản vì muốn con không thiếu vắng tình cha.  🡺 Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, có khát vọng hạnh phúc chính đáng; là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.  **- Qua việc bị chồng nghi oan và đối xử tệ bạc:**  + Lời phân trần: hết lời giãy bày, van xin, cầu mong hàn gắn hạnh phúc có nguy cơ tan vỡ “*Thiếp vốn con kẻ khó...”,* đau khổ, tuyệt vọng khi bị đối xử bất công, bị đánh mắng, không có quyền tự bảo vệ “*Nay bình rơi trâm gãy, mây tạnh, mưa tan, ...”*  + Hành động quyết liệt để bảo vệ danh dự: “*nàng tắm gội chạy sạch, chạy ra bến Hoàng Giang, than...”;* Vũ Nương đã gieo mình xuống sông.  + Khi gặp Phan Lang, nghe Phan Lang kể cảnh nhà cửa “*cây cối thành rừng”*, “*phần mộ tiên nhân của nương tử cỏ gai rợp mắt”*, nàng đã ứa nước mắt khóc quả quyết: “*tất phải tìm về có ngày”* nhưng vì lời hứa “*sống chết không bỏ*” với Linh Phi nên nàng chẳng thể trở về trần gian.  + Trở lại trần gian, nói lời tạ từ khi Trương Sinh lập đàn giải oan “*Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về trần gian được nữa”*  **=> Vũ Nương là người phụ nữ trọng danh dự, giàu lòng vị tha, ân nghĩa.**  => Vẻ đẹp của nàng Vũ Nương đại diện cho phẩm chất của những người phụ nữ truyền thống công dung ngôn hạnh.  => Nguyễn Dữ đã ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của nàng.  **PHT số 7: Số phận oan khuất của Vũ Nương**  - Vũ Nương phải sống trong cuộc hôn nhân không tình yêu (hôn nhân gượng ép, có tính chất mua bán giữa kẻ giàu vè người nghèo (*thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu...)*  - Lúc chồng đi lính, một mình phải gánh vác mọi mỗi vất vả gian lao trong cô đơn thương nhớ (sinh con, chăm mẹ già ốm đau, lo ma chay cho mẹ mà không ai động viên chia sẻ...)  - Bi kịch bất ngờ đổ ập xuống đầu của Vũ Nương:  ***+*** Khi chồng trở về, Vũ Nương phải gánh chịu nỗi oan lạ lùng: chồng nghe lời con thơ, vu oan cho vợ là thất tiết  + Phải tìm đến cái chết (gieo mình xuống sông) để tỏ tấm lòng chung thủy của mình.  ***-* Nỗi đau của Vũ Nương:**  + Lời thoại ở bến Hoàng Giang: “*Kẻ bạc mệnh này ...mọi người phỉ nhổ*”: Lời thề ai oán và phẫn uất, quyết lấy cái chết để khẳng định tấm lòng trong sạch như ngọc Mị Nương, thủy chung như cỏ Ngu mĩ. Đây là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, vừa có nỗi tuyệt vọng, vừa có sự chỉ đạo của lí trí.  🡺Nhận xét: Một người xinh đẹp, nết na, hiền thục lại đảm đang, tháo vát; hiếu thảo với mẹ chồng, một dạ thủy chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng lại phải chết một cách oan uổng, đau đớn.  - **Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì:**  + Thể hiện diễn biến nội tâm của nhân vật: cố gắng giải thích mong hàn gắn hạnh phúc 🡪 mất niềm tin, thất vọng 🡪 tuyệt vọng, tìm đến cái chết để minh oan.  + Sử dụng nhiều điển cố, điển tích; các phép đối; mượng các hình ảnh thiên nhiên để nói lên nỗi lòng.  **- *Nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương:***  **+ Nguyên nhân trực tiếp:** Do Trương Sinh quá đa nghi, hay ghen, gia trưởng, độc đoán. Hồ đồ tin lời con trẻ, Trương Sinh đã không cho Vũ Nương cơ hội trình bày, thanh minh.  **+ Nguyên nhân sâu xa:** Do xã hội phong kiến với cảnh “binh lửa rối ren” gây bao đau khổ cho nhân dân. Vì chiến tranh phong kiến phi nghĩa nên vợ chồng Vũ Nương phải xa cách, dẫn đến hiểu lầm.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chốt lại kiến thức. | **2. Nhân vật**  **a. Nhân vật Vũ Nương**  **- Xuất thân**: quê ở Nam Xương  **- Dung nhan**: “tư dung tốt đẹp”  **- Tính cách, phẩm chất**  + Thùy mị, nết na  + Giữ gìn khuôn phép, không để vợ chồng thất hòa  + Hiếu thuận (chăm mẹ chồng ốm; khi bà mất, lo ma chay như cha mẹ đẻ)  + Không ham vinh hoa phú quý (không mong chồng đem ấn phong hầu, chỉ mong bình an)  **- Số phận**: Do chồng nghi ngờ “thất tiết” nên đã chịu cái chết oan uổng  **🡪 Nhận xét**: **Người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, đức hạnh, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình, nhưng lại kém may mắn, bất hạnh**  **b. Nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương**  **- Nguyên nhân trực tiếp**  + Chiếc bóng trên tường  + Câu nói ngây thơ của đứa trẻ đã thổi bùng lên ngọn lửa ghen tuông trong lòng Trương Sinh.  + Tính cách của Trương Sinh: đa nghi, ghen tuông, hồ đồ, gia trưởng, sẵn sàng thô bạo với vợ.  **- Nguyên nhân gián tiếp**  + Cuộc hôn nhân không bình đẳng:  + Lễ giáo phong kiến cùng chế độ nam quyền đã hạn chế tiếng nói bình đẳng, quyền được bảo vệ bản thân của người phụ nữ.  + Những cuộc chiến tranh phi nghĩa gây nên cảnh sinh li tử biệt; vợ chồng xa cách |
| **NV3: Đánh giá về chủ đề và ý nghĩa nhân sinh của tác phẩm.**  **Hoạt động cá nhân**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Học sinh suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi.  *- Em hãy nêu chủ đề của câu chuyện.*  *- Câu chuyện đặt ra những bài học gì cho mỗi người?*(Hs khuyết tật tham gia trả lời)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Sau khi tiếp nhận nhiệm vụ, học sinh suy nghĩ, trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -  HS báo cáo kết quả  - HS các cặp theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Chủ đề và ý nghĩa nhân sinh của tác phẩm.**  **a. Chủ đề:**  - Số phận oan trái của người phụ nữ trong xã hội phong kiến; thể hiện niềm thương cảm đối với những người phụ nữ bất hạnh, kém may mắn.  - Bộc lộ cái nhìn nhân hậu, mong ước những điều tốt đẹp sẽ đến với họ;  - Ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của phụ nữ Việt Nam: nết na, hiếu thảo, thủy chung, …  **b. Ý nghĩa nhân sinh.**  - Thiếu niềm tin và không biết lắng nghe có thể dẫn đến tội lỗi.  - Có những sai làm không thể sửa chữa được.  - Mỗi người cần thấu hiểu và có lòng đồng cảm sẻ chia với số phận của những người phụ nữ.  - Cần trân trọng và khẳng định những vẻ đẹp và khát vọng hạnh phúc của họ.  - Mỗi người cần phải biết đấu tranh để mang lại quyền bình đẳng và giữ gìn hạnh phúc cho mình. |
| **2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa/ thông điệp của VB *“Chuyện người con gái Nam Xương”*.  **b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức HS hoạt động cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung, hoàn thiện.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **\*Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ**  ***1. Nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?***  ***2.Khái quát nội dung tư tưởng của truyện.***  ***3. Nêu những chú ý khi đọc hiểu truyện truyền kì?***  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **\*Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật dựng truyện dẫn dắt tình huống hợp lí.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua lời nói, hành động.  - Sử dụng thành công yếu tố kì ảo, kết hợp đan xen khéo léo yếu tố hiện thực.  - Ngôn ngữ truyện truyền kì sử dụng nhiều điển cố, điển tích.  **2. Nội dung**  - Truyện bày tỏ niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, thể hiện thái độ trân trọng vẻ đẹp của họ.  - Phê phán xã hội phong kiến với chế độ nam quyền gây ra bi kịch cho người phụ nữ, lên án những cuộc chiến tranh phi nghĩa làm cho cuộc sống của người dân rơi vào bế tắc.  **3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì.**  - Tóm tắt chuỗi sự kiện của tác phẩm, xác định không gian, thời gian trong truyện.  - Tìm hiểu các nhân vật.  - Xác định các yếu tố kì ảo và vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện.  - Nêu được chủ đề của truyện và ý nghĩa nhân sinh của truyện. |

1. **HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP ( 15 phút)**

**1. Mục tiêu:** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản.

**2. Nội dung:** HS làm việc cá nhân.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\*Nhiệm vụ 1**: Trò chơi “Ai lên cao hơn?”

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**

Có 5 nấc thang để bạn bước lên đến đỉnh vinh quang. Thí sinh nào sẽ leo nhanh trên nấc thang đó để đến đích trước? Có 5 nấc thang tương ứng với 5 câu hỏi trắc nghiệm. GV mời 2 HS tham gia trò chơi. Sau mỗi câu hỏi, HS có 5 giây để trả lời vào bảng. Sau 5 giây, HS giơ bảng lên. HS trả lời đúng sẽ được tiến lên một bậc thang. Sau 5 câu hỏi, HS nào tiến lên bậc cao hơn sẽ giành chiến thắng. HS nào trả lời đúng hết 5 câu sẽ giành luôn giải đặc biệt.



**Bước 2:** **HS lần lượt trả lời câu hỏi**

**Bước 3: Báo cáo kết quả học tập**

**Bước 4.** **Công bố kết quả:**

**Gợi ý câu hỏi:**

**Câu 1:** Thời kì Nguyễn Dữ sống có điều gì đặc biệt?

A.  Xã hội phát triển thịnh trị.

B. Nước ta bị nhà Tống xâm lược.

**C. Nội chiến diễn ra liên miên.**

D. Bị nhà Hán đô hộ.

**Câu 2:** Truyện truyền kì là gì?

**A. Những câu chuyện kì lạ được ghi chép tản mạn, thường có yếu tố kì ảo, nhân vật thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc.**

B. Những câu chuyện được kể giống như truyện truyền thuyết.

C. Những câu chuyện có yếu tố hoang đường kì ảo.

D. Câu chuyện liên quan tới các nhân vật do trí tưởng tượng tạo nên.

**Câu 3:**Nhân vật Vũ Nương được miêu tả là người như thế nào?

A. Tính tình thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp.

B. Giữ gìn khuôn phép, không để lúc nào vợ chồng thất hòa.

C. Không ham của cải vật chất.

**D. Cả ba phương án trên.**

**Câu 4:** Câu văn “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không ngăn được” mang ý nghĩa gì?

A. Nói lên sự trôi chảy của thời gian.

B. Miêu tả cảnh thiên nhiên trong nhiều thời điểm khác nhau**.**

**C. Nỗi buồn nhớ của Vũ Nương theo năm tháng.**

D. Cho thấy Trương Sinh phải đi chinh chiến ở một nơi rất xa xôi.

**Câu 5:** Ý kiến nào **KHÔNG** phù hợp khi nói về thông điệp từ tác phẩm?

A. Cần thấu hiểu và có lòng đồng cảm sẻ chia với số phận của những người phụ nữ.

B. Cần trân trọng và khẳng định những vẻ đẹp và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ

C. Phải biết đấu tranh để giữ gìn hạnh phúc..

**D. Nói về số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.**

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( 10 phút)**

**1. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**2. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**3. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Thu hoạch qua sưu tầm và vận dụng ngoài giờ học**

**Bước 1**: GV giao nhiệm vụ: GV có thể chọn 1 trong các hình thức sau:

**1. Chia sẻ thông điệp**

*Yêu cầu: Câu chuyện đã tác động đến suy nghĩ và tình cảm của em như thế nào?*

Ghi lại những thông điệp mà em rút ra sau khi đọc văn bản (Mỗi HS rút ra thông điệp, ghi trên giấy nhớ). Sau đó,  các HS chia sẻ thông điệp trong nhóm.

- Các thành viên sẽ dán thông điệp của từng cá nhân lên sản phẩm chung của cả nhóm.

- Các nhóm dán sản phẩm nhóm lên bảng.

*Gợi ý sản phẩm:*

- Cần biết yêu thương, trân trọng những người phụ nữ quanh mình.

- Trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng cần biết tin tưởng nhau, khi có khúc mắc thì cần thẳng thắn chia sẻ, tránh hiểu lầm.

- Người phụ nữ cũng cần mạnh mẽ đấu tranh đến cùng cho lẽ phải, cho công lý, không nên dễ dàng tìm đến cái chết.

- **...**

**2. Kĩ thuật Think – Pair – Share**

*Yêu cầu:* Trong cuộc sống ngày nay, em thấy có người phụ nữ nào rơi vào cảnh ngộ như nàng Vũ Nương hay không? Nếu em rơi vào cảnh ngộ giống nàng Vũ Nương, em sẽ hành động như thế nào?

- HS suy nghĩ cá nhân, sau đó thảo luận cặp.

- Chia sẻ suy nghĩ trước cả lớp.

*Gợi ý sản phẩm:* HS chia sẻ suy nghĩ

- Ngày nay trong xã hội hiện đại của thế kỉ XXI, đâu đó vẫn còn những mảnh đời, số phận người phụ nữ bất hạnh khi họ trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình; nhiều người vẫn phải sống không được tôn trọng, không có tiếng nói bên những người chồng gia trưởng, độc đoán.

- Nếu rơi vào cảnh ngộ như Vũ Nương, em sẽ mạnh mẽ để đòi lại công lí, lẽ phải.

+ Có thể nhờ pháp luật can thiệp nếu bị người chồng hành hung, đánh đập, chửi bới vô căn cứ.

+ Sẽ li hôn nếu không tìm được tiếng nói chung, không được tôn trọng.

+ Sẽ trân trọng mạng sống, thể xác mà cha mẹ đã ban cho, không dễ từ bỏ sự sống.

...

**3. Sơ đồ “Cây gia đình”**

*Yêu cầu:* Một trong những thông điệp mà văn bản đem đến cho chúng ta là thông điệp về gia đình. Vậy theo em, những điều gì góp phần tạo nên một gia đình hạnh phúc?

-  HS trao đổi trong nhóm, dán các từ khóa vào Sơ đồ “Cây gia đình”.

 - Các nhóm dán sản phẩm nhóm lên bảng.



*Gợi ý sản phẩm:*

Những điều gì góp phần tạo nên một gia đình hạnh phúc: *tôn trọng – tin tưởng – chia sẻ - yêu thương – thủy chung - ...*

**4. Viết kết nối với đọc:** Viết đoạn văn cảm nhận về chi tiết chiếc bóng trong câu chuyện.

 Chi tiết tiêu biểu thường có ý nghĩa quan trọng cho câu chuyện. Chi tiết *cái bóng* trong tác phẩm "Chuyện người con gái Nam Xương" của nhà văn Nguyễn Dữ cũng là một trong những chi tiết đặc sắc tạo nên thành công cho tác phẩm. Chi tiết cái  bóng xuất hiện trong hoàn cảnh khi chồng vắng nhà, để con không cảm thấy thiếu vắng tình thương của cha, Vũ Nương cùng con trai chơi trò "trỏ bóng" trên vách. Nàng thường "hay đùa con, trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản". Thế nhưng Vũ Nương đâu biết rằng chính cái bóng đó lại gây nên sóng gió cho gia đình nàng, gây nên mối bi kịch đau đớn cho cuộc đời nàng. Cái bóng khiến chồng nàng "đinh ninh là vợ hư thân" mà không tiếc lời mắng nhiếc, "đánh đuổi" nàng đi mặc cho nàng biện bạch trong nước mắt. Nó cũng chính là nguyên do khiến nàng phải "gieo mình xuống sông mà chết" để chứng minh cho sự trong sạch của mình. Cái bóng đó là nút thắt trong câu chuyện nhưng nó cũng là chi tiết mở nút giúp Vũ Nương giải oan. Khi Trương Sinh ngồi cùng con, bé Đản đã "trỏ vào bóng chàng trên vách" mà bảo rằng: "Cha Đản lại đến kia kìa!". Lúc bấy giờ, chàng mới hiểu ra "thấu nỗi oan của vợ". Chi tiết cái bóng đã đẩy sự kịch tính của câu chuyện lên cao, khiến người đọc hiểu rõ về tính đa nghi, ghen tuông mù quáng của Trương Sinh, hiểu về nỗi đau của Vũ Nương khi bị chồng ngờ vực. Việc sử dụng chi tiết cái bóng- một chi tiết mờ nhạt nhưng lại gây nên bi kịch to lớn cho người phụ nữ, Nguyễn Dữ muốn tố cáo xã hội bất công, "nam quyền" dồn ép những người phụ nữ truyền thống tới đường cùng. Và qua đó, ông cũng bày tỏ sự thương cảm đối với số phận bi kịch của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**HƯỚNG DẪN HỌC BÀI CŨ VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI (2P)**

- Hoàn thiện các nội dung đã học trong bài;

- Chuẩn bị tìm đọc truyện “*Sơ- lốc Hôm*” của Đoi- lơ